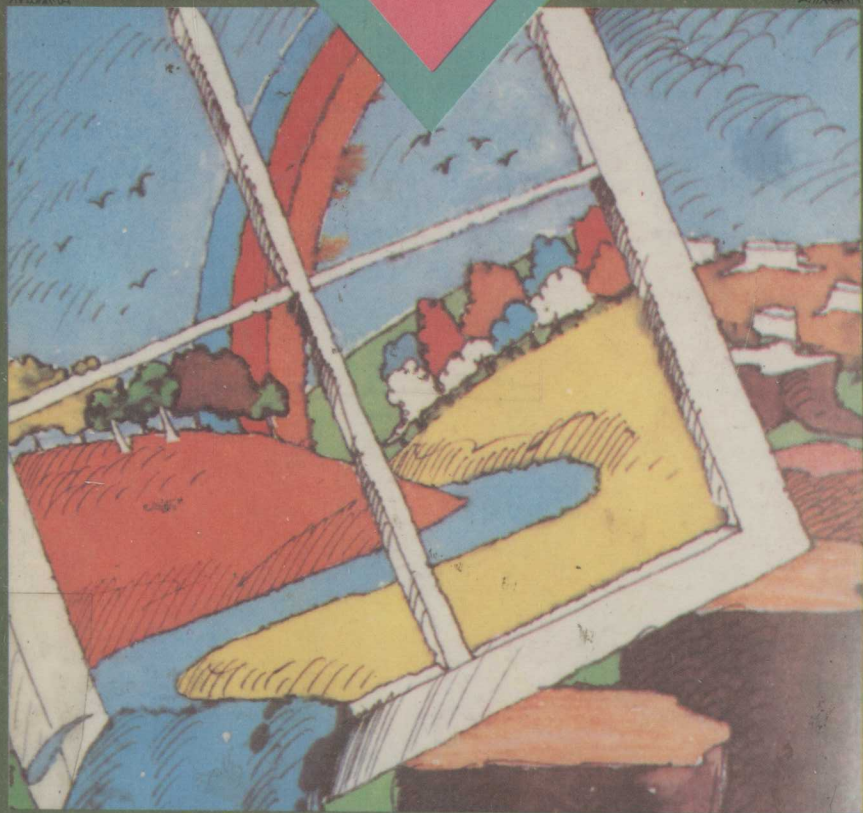


新編小学生

组词造句
词典



193234

新编小学生组词造句词典

韞 颖 编著

长 春 出 版 社

(吉)新登字 10 号

新编小学生组词造句词典

程 颖 编著

责任编辑:王敬芝

封面设计:曲 刚

长春出版社出版
(长春市建设街 43 号)

吉林省新华书店发行
吉林农业大学印刷厂印刷

开本:787×1092 1/32

1993 年 10 月第 1 版

印张:18.5

1995 年 4 月第 4 次印刷

字数:600 000

印数:25 001—38 000 册

ISBN 7-80604-094-3/Z·7

定价:13.80 元

出版说明

小学生学习语文，最基本的问题就是对生字的认识和对字义的理解，最常见的练习就是组词和造句。作者在充分调查研究的基础上，确定了编写体例，保证了本书的科学性、准确性和实用性。

本书以人民教育出版社新版教材为依据，基本上收入了小学6年制、小学5年制两套教材中出现的全部生字，首先对字义进行了较详细的解释，然后分正序和逆序两个方面进行组词，再找出较为常见的词进行造句。以上几个方面，注意了小学生的学习特点和理解能力，力求通俗易懂。

本书区别于其他同类图书的一个特点是，全书容量较大，是目前并不常见的一部较为系统、较为全面、较为实用的供小学生使用的工具书。无论是在学生自学、复习还是教师进行训练、家长进行辅导等方面，都有较高的实用价值。

目 录

凡例	(1)
汉语拼音索引	(1)
正文	(1)

汉语拼音音节索引

(字右边号码是词典正文页码)

A

ā 1	bǎn 10	bǐn 26	cāng 39
a 1	bàn 10	bīng 27	cha 39
āi 1	bāng 12	bīng 27	chá 40
ái 1	bǎng 12	bīng 28	chǎ 41
ǎi 2	bàng 12	bō 28	chà 41
ài 2	bāo 13	bó 29	chāi 42
ǎi 2	báo 14	bǒ 31	chái 42
ān 3	bǎo 14	bo 31	chān 43
ǎn 3	bào 15	bǔ 31	chán 43
àn 3	bēi 16	bà 31	chǎn 43
āng 4	běi 17		chàn 44
áng 4	bāi 17		chāng 44
āo 4	bān 18		cháng 44
áo 5	běn 19		chǎng 45
ǎo 5	bēn 19		chàng 46
ào 5	bēng 19		chāo 46
	béng 20		cháo 47
	běng 20		chǎo 48
	bàng 20		chā 48
	bī 20		chē 48
	bí 20		chè 48
	bǐ 20		chén 49
	bī 21		chěn 50
	biān 23		chàn 50
	biǎn 24		chāng 51
	biàn 24		chéng 51
	biāo 26		chèng 53
	biǎo 26		chī 53
	biē 26		chí 54

B

C

chī 54	cū 68	dī 83	duō 99
chì 55	cuān 69	dí 83	duō 100
chāng 56	cuàn 69	dǐ 84	duò 100
cháng 56	cūī 69	dī 84	
chōu 56	cūī 69	diān 85	E
chóu 56	cūn 70	diǎn 86	é 101
chǒu 58	cūn 70	diàn 86	ě 101
chǎu 58	cūn 70	diào 87	ēn 102
chū 58	cuō 70	diào 88	ēr 102
chú 59	cuò 70	diē 89	ěr 103
chǔ 59		dié 89	ēr 103
chù 60	D	dīng 90	
chuān 61	dā 72	dīng 90	F
chuǎn 61	dá 72	dīng 91	fā 104
chuǎn 62	dǎ 72	dīu 91	fā 104
chuàn 62	dà 73	dōng 92	fā 105
chuāng 62	dāi 73	dōng 92	fān 105
chuáng 62	dǎi 73	dōng 92	fán 106
chuǎng 62	dài 73	dǒu 93	fān 106
chuàng 62	dān 75	dǒu 93	fàn 107
chuí 63	dǎn 75	dāu 94	fāng 108
chuī 63	dān 75	dū 94	fāng 108
chūn 64	dāng 77	dú 94	fāng 109
chún 64	dǎng 77	dū 95	fàng 110
chǔn 64	dàng 78	dù 95	fāi 110
chuō 65	dāo 78	duān 96	fāi 111
cí 65	dǎo 78	duǎn 97	fāi 111
cǐ 66	dào 79	duàn 97	fāi 111
cī 66	dé 81	dut 97	fān 112
cāng 66	de 81	duī 98	fān 112
cáng 67	dāng 81	dān 98	fān 113
cāu 67	dǎng 82	dān 99	fān 113
cū 68	dàng 82	duō 99	fāng 114

féng		115
fèng		116
fǒu		116
fū		116
fú		117
fǔ		119
fù		120

G

gāi		124
gǎi		124
gài		124
gǎn		125
gǎn		125
gàn		126
gǎng		127
gǎng		127
gàng		128
gāo		128
gǎo		129
gào		129
gē		129
gé		130
gě		131
gè		131
gěi		132
gēn		132
gēng		132
gěng		133
gèng		133
gōng		133
gǒng		134
gòng		135

gǒu		135
gǒu		136
gòu		136
gū		137
gǔ		138
gù		139
guǎ		140
guǎ		141
guà		141
guāi		141
guǎi		142
guài		142
guān		142
guǎn		143
guàn		144
guǎng	..	145
guǎng	..	145
guī		145
guī		146
guǐ		146
gǔn		147
gùn		147
guō		148
guó		148
guō		148
guò		148

H

hā		150
hái		150
hǎi		150
hǎi		150
hàn		151

hǎn		151
hǎn		152
háng		153
háo		153
hǎo		154
hào		154
hē		155
hé		155
hè		157
hēi		157
hén		158
hěn		158
hèn		158
hēng		158
héng		159
hǒng		159
hóng		160
hóu		161
hǒu		161
hòu		161
hū		162
hú		162
hǔ		164
hù		164
huā		165
huá		165
huà		166
huái		167
huài		167
huān		167
huán		167
huǎn		168
huàn		168

huāng		169
huáng		169
huǎng		170
huàng		170
huī		170
huí		171
huī		171
huī		172
hūn		173
hún		173
hùn		174
huó		174
huō		174
huò		175

J

jī		177
jī		179
jī		181
jī		182
jiā		185
jiā		186
jià		187
jiān		188
jiān		190
jiàn		191
jiāng		194
jiǎng		195
jiàng		196
jiāo		197
jiáo		198
jiǎo		199
jiào		200

jiē 201	káng 226	kùn 237	lián 253
jié 202	kàng 226	kuò 237	liǎn 254
jiě 204	kǎo 226	L	liàn 255
jiè 204	kào 227		liáng 256
jīn 205	kē 227	lǎ 239	liǎng 257
jīn 207	ké 228	lǎ 239	liàng 257
jīn 207	kě 228	là 239	liáo 257
jīng 209	kè 228	la 240	liào 258
jīng 211	kěn 229	lái 240	liě 258
jīng 212	kēng 230	lán 240	liè 258
jiǒng 213	kōng 230	lǎn 241	lǐn 259
jiā 214	kǒng 230	làn 242	lǐn 260
jiǔ 214	kòng 231	láng 242	lǐng 260
jiù 215	kǒu 231	lǎng 243	lǐng 260
jū 216	kǒu 231	làng 243	lǐng 262
jú 216	kòu 231	lǎo 243	lǐng 262
jǔ 217	kū 232	láo 244	liǔ 263
jù 217	kǔ 232	lǎo 244	liú 263
juān 220	kù 233	lào 244	liǔ 264
juān 220	kuā 233	lè 245	liù 264
juàn 220	kuǎ 234	le 245	lóng 264
jué 220	kuà 234	léi 246	lǒng 265
jūn 221	kuài 234	lěi 246	lǒu 266
jùn 222	kuān 234	lèi 246	lǒu 266
K	kuān 235	léng 247	lǒu 266
	kuāng 235	lěng 247	lú 267
kā 224	kuáng 235	lèng 247	lǔ 267
kāi 224	kuàng 235	lǐ 247	lǔ 267
kǎi 224	kuī 236	lǐ 248	lǔ 269
kǎn 225	kuí 236	lǐ 249	lǔ 269
kǎn 225	kuì 237	lǐ 250	lǔ 270
kàn 225	kūn 237	li 253	luán 271
kāng 226	kǔn 237	liǎ 253	luǎn 271

luàn 271	měng 284	nán 299	nuǎn 307
luè 271	mèng 285	náng 300	nuó 308
lūn 272	mī 285	náo 300	nuò 308
lún 272	mí 285	nǎo 300	
lùn 272	mǐ 286	nào 301	O
luó 273	mǐ 286	ne 301	ó 309
luò 273	mián 287	něi 301	ò 309
	miǎn 287	nèi 301	ōu 309
M	miàn 287	nèn 301	ǒu 309
mǎ 275	miáo 288	néng 302	òu 310
má 275	miǎo 288	ní 302	
mǎ 275	miào 289	nī 302	P
mà 276	miè 289	nǐ 303	pǎ 311
ma 276	mīn 289	nián 303	pá 311
mái 276	mǐn 290	niǎn 303	pà 311
mǎi 276	míng 290	niàn 303	pa 311
mài 276	mǐng 291	niáng 304	pāi 312
mán 277	mō 291	niàng 304	pái 312
mǎn 277	mó 291	niǎo 304	pài 312
màn 278	mō 292	niào 304	pān 312
máng 278	mó 293	niē 305	pán 312
mǎo 279	móu 294	niè 305	pàn 313
máo 279	mǒu 295	nín 305	pāng 313
mǎo 280	mú 295	níng 305	páng 314
mào 280	mǔ 295	nǐng 305	pàng 314
me 281	mù 295	niú 306	pāo 314
méi 281		niǔ 306	páo 314
měi 283	N	nóng 306	pǎo 315
mèi 283	ná 298	nòng 306	pào 315
mén 283	nǎ 298	nú 307	péi 315
mèn 284	nà 298	nǚ 307	pèi 316
men 284	nǎi 298	nù 307	pēn 316
méng 284	nài 299	nǚ 307	pén 317

pēng 317	qī 333	quǎn 350	S
péng 317	qià 334	quàn 350	
pèng 318	qiān 334	quē 350	sǎ 362
pī 318	qián 335	qué 351	sà 362
pí 319	qiǎn 336	què 351	sāi 362
pǐ 319	qiàn 337	qún 351	sài 362
pì 320	qiāng 337	R	sān 363
piān 320	qiáng 338		sǎn 363
pián 321	qiǎng 338	rán 353	sàn 363
piàn 321	qiàng 338	rǎn 353	sāng 363
piāo 321	qiāo 338	rǎng 353	sǎng 363
piáo 322	qiáo 339	ràng 354	sàng 364
piào 322	qiǎo 340	ráo 354	sāo 364
piě 322	qiào 340	rǎo 354	sǎo 364
pīn 322	qié 340	rào 354	sào 364
pín 322	qiě 340	rě 354	sè 365
pīn 323	qiè 341	rè 355	sēn 365
pīng 323	qīn 341	rén 355	shǎ 365
píng 323	qín 342	rěn 355	shǔ 366
pō 324	qīn 343	rèn 356	shà 366
pó 325	qīng 343	rēng 356	shāi 367
pǒ 325	qíng 344	réng 356	shài 367
pò 325	qíng 345	rì 356	shān 367
pǒu 326	qīng 345	róng 357	shǎn 367
pū 326	qióng 345	róu 358	shàn 368
pú 326	qiū 345	ròu 358	shāng 368
pǔ 327	qiú 346	rú 358	shǎng 369
pù 328	qū 347	rǔ 359	shāng 369
Q	qú 347	rù 359	shang 369
	qū 347	ruǎn 360	shāo 370
	qǔ 347	ruī 360	sháo 370
	qù 348	rùn 360	shǎo 371
qī 329	quǎn 348	ruò 360	
qí 330	quán 349		
qǐ 332			

shé 371	shùn 395	tǎn 409	tòu 424
shě 372	shuǒ 396	tàn 410	tū 424
shè 372	shuò 396	tāng 410	tú 424
shēn 373	sī 396	táng 411	tǔ 425
shén 374	sī 397	tǎng 411	tù 426
shěn 374	sì 398	tàng 412	tuán 426
shèn 375	sǒng 398	tǎo 412	tuī 426
shēng 375	sǒng 398	táo 413	tuī 427
shéng 376	sòng 399	tǎo 413	tuī 427
shéng 377	sōu 399	tào 414	tūn 427
shèng 377	sòu 399	tè 414	tún 427
shī 378	sū 400	téng 414	tuǒ 427
shí 379	sú 400	tī 415	tuó 428
shǐ 381	sù 400	tí 415	tuǒ 428
shì 382	suān 401	tī 416	tuò 429
shǒu 386	suàn 402	tī 416	
shǒu 386	suī 402	tiān 417	W
shòu 387	suí 402	tián 417	wā 430
shū 388	suì 402	tiǎn 418	wá 430
shú 390	sūn 403	tiāo 418	wǎ 430
shǔ 390	sūn 403	tiáo 418	wà 431
shù 391	suǒ 404	tiào 419	wāi 431
shuā 392	suǒ 404	tiē 419	wài 431
shuǎ 393		tiě 419	wǎn 431
shuǎi 393	T	tīng 420	wán 432
shuǎi 393	tā 406	tíng 420	wǎn 432
shuài 393	tǎ 406	tǐng 421	wàn 433
shuān 394	tà 406	tǒng 421	wāng 434
shuāng ... 394	tāi 407	tóng 421	wáng 434
shuāng ... 394	tái 407	tǒng 422	wǎng 434
shuí 395	tài 408	tòng 423	wàng 435
shuí 395	tān 408	tǒu 423	wēi 436
shuì 395	tán 409	tóu 423	wéi 437

wēi 438
wèi 439
wēn 441
wén 441
wěn 442
wèn 443
wēng 443
wō 443
wǒ 443
wò 444
wū 444
wú 445
wǔ 446
wù 447

X

xī 449
xí 452
xǐ 452
xì 453
xiǎ 454
xiá 454
xià 455
xiān 455
xián 456
xiǎn 457
xiàn 458
xiāng 460
xiáng 461
xiǎng 461
xiàng 462
xiāo 463
xiáo 464

xiǎo 464
xiào 464
xiē 466
xié 466
xiě 467
xiè 467
xīn 468
xìn 469
xīng 469
xíng 470
xǐng 471
xìng 471
xiōng 472
xióng 473
xiū 473
xiǔ 474
xiù 474
xū 475
xú 475
xǔ 475
xù 476
xuān 477
xuán 477
xuǎn 477
xuàn 478
xuē 478
xué 478
xuě 479
xuè 479
xún 479
xùn 480

Y

yā 482
yá 483
yǎ 483
yà 484
ya 484
yān 484
yán 485
yǎn 487
yàn 487
yǎng 489
yáng 489
yǎng 490
yàng 491
yǎo 492
yáo 492
yǎo 493
yào 493
yé 494
yě 494
yè 495
yī 496
yí 497
yǐ 498
yì 499
yīn 503
yín 503
yǐn 504
yìn 504
yīng 505
yíng 506
yǐng 507

yīng 507
yō 508
yōng 508
yǒng 508
yòng 509
yōu 510
yóu 510
yǒu 512
yòu 512
yū 513
yú 513
yǔ 515
yù 516
yuān 519
yuán 519
yuǎn 521
yuàn 521
yuē 522
yuè 522
yūn 524
yún 524
yǔn 524
yùn 525

Z

zá 526
zǎ 526
zāi 526
zǎi 527
zài 527
zǎn 527
zán 528
zǎn 528

zàn 528	zhàn 536	zhī 551	zhǔn 565
zāng 528	zhāng 537	zhōng 554	zhuō 565
zàng 529	zhǎng 538	zhǒng 555	zhuó 565
zǎo 529	zhàng 538	zhòng 555	zī 566
záo 529	zhāo 539	zhǒu 556	zǐ 567
zǎo 529	zhǎo 539	zhóu 557	zì 567
zào 530	zhào 540	zhǒu 557	zōng 568
zé 531	zhē 541	zhòu 557	zǒng 569
zéi 532	zhé 541	zhū 558	zòng 569
zěn 532	zhě 542	zhú 558	zǒu 569
zēng 532	zhè 542	zhǔ 559	zòu 570
zèng 532	zhe 542	zhù 560	zū 570
zhā 533	zhēn 542	zhuā 562	zú 570
zhá 533	zhěn 543	zhuǎ 562	zǔ 571
zhǎ 533	zhèn 544	zhuài 562	zuān 571
zhà 533	zhēng 545	zhuān 562	zuī 571
zhāi 534	zhěng 546	zhuǎn 562	zuì 572
zhái 534	zhèng 546	zhuǎng ... 563	zūn 572
zhǎi 535	zhī 547	zhuàng ... 564	zuó 573
zhài 535	zhí 549	zhuī 564	zuō 573
zhān 535	zhī 550	zhuì 565	
zhǎn 536			

wēi	438
wèi	439
wēn	441
wén	441
wěn	442
wèn	443
wēng	443
wō	443
wǒ	443
wò	444
wū	444
wú	445
wǔ	446
wù	447

X

xī	449
xí	452
xǐ	452
xì	453
xiā	454
xiá	454
xià	455
xiān	455
xián	456
xiǎn	457
xiàn	458
xiāng	460
xiáng	461
xiǎng	461
xiàng	462
xiǎo	463
xiào	464

xiǎo	464
xiào	464
xiē	466
xié	466
xiě	467
xiè	467
xīn	468
xìn	469
xīng	469
xíng	470
xǐng	471
xǐng	471
xiōng	472
xióng	473
xiū	473
xiǔ	474
xiù	474
xū	475
xú	475
xǔ	475
xù	476
xuān	477
xuán	477
xuǎn	477
xuàn	478
xuē	478
xué	478
xuě	479
xuè	479
xún	479
xùn	480

Y

yā	482
yá	483
yǎ	483
yà	484
ya	484
yān	484
yán	485
yǎn	487
yàn	487
yǎng	489
yáng	489
yǎng	490
yàng	491
yāo	492
yáo	492
yǎo	493
yào	493
yé	494
yě	494
yè	495
yī	496
yí	497
yī	498
yì	499
yīn	503
yín	503
yǐn	504
yìn	504
yīng	505
yíng	506
yǐng	507
yīng	507
yō	508
yōng	508
yǒng	508
yòng	509
yōu	510
yóu	510
yǒu	512
yòu	512
yū	513
yú	513
yǔ	515
yù	516
yuān	519
yuán	519
yuǎn	521
yuàn	521
yuē	522
yuè	522
yūn	524
yún	524
yǔn	524
yùn	525

Z

zá	526
zǎ	526
zāi	526
zǎi	527
zài	527
zān	527
zán	528
zǎn	528

zàn 528	zhàn 536	zhì 551	zhǔn 565
zāng 528	zhāng 537	zhōng 554	zhuō 565
zàng 529	zhǎng 538	zhǒng 555	zhuó 565
zǎo 529	zhàng 538	zhòng 555	zī 566
záo 529	zhāo 539	zhōu 556	zǐ 567
zǎo 529	zhǎo 539	zhóu 557	zì 567
zào 530	zhào 540	zhǒu 557	zōng 568
zé 531	zhē 541	zhòu 557	zǒng 569
zéi 532	zhé 541	zhū 558	zòng 569
zēn 532	zhě 542	zhú 558	zǒu 569
zēng 532	zhè 542	zhǔ 559	zòu 570
zèng 532	zhe 542	zhù 560	zū 570
zhā 533	zhēn 542	zhuā 562	zú 570
zhá 533	zhěn 543	zhuǎ 562	zǔ 571
zhǎ 533	zhèn 544	zhuài 562	zuān 571
zhà 533	zhēng 545	zhuǎn 562	zuǐ 571
zhāi 534	zhěng 546	zhuǎn 562	zuì 572
zhái 534	zhèng 546	zhuāng ... 563	zūn 572
zhǎi 535	zhī 547	zhuàng ... 564	zuó 573
zhài 535	zhí 549	zhuī 564	zuǒ 573
zhǎn 535	zhī 550	zhuī 565	zuò 573
zhǎn 536			